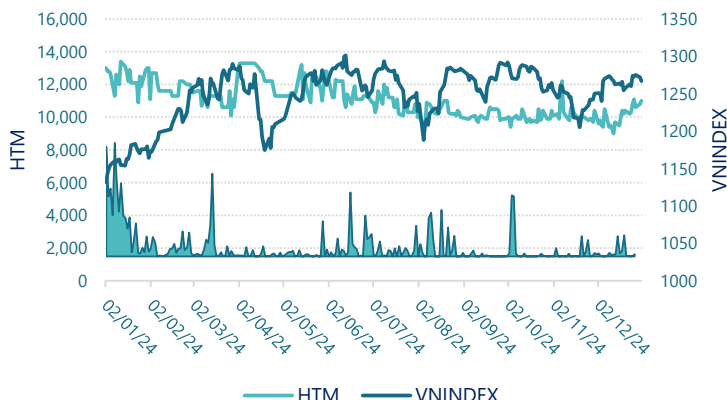




Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP (UPCOM: HTM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
SL cổ phiếu LH	219,958,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,725
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,420
P/E	-100.4
EPS	-110

DT thuần

Q4/24

383

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 284 | 284%

YoY: ▲ 239 | 166%

LN sau thuế

Q4/24

-6.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.82 | 52.5%

YoY: ▼ 4.28 | -225%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.1%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2024

726

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 282 | 63.5%

LN sau thuế

2024

-24.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.50 | 18.4%

ROE

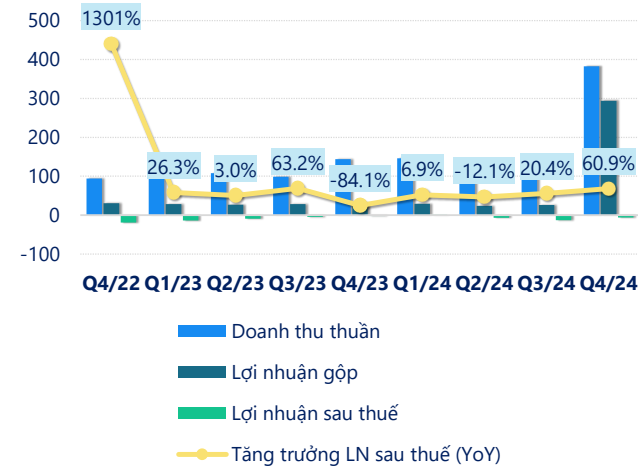
2024

-1.1%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

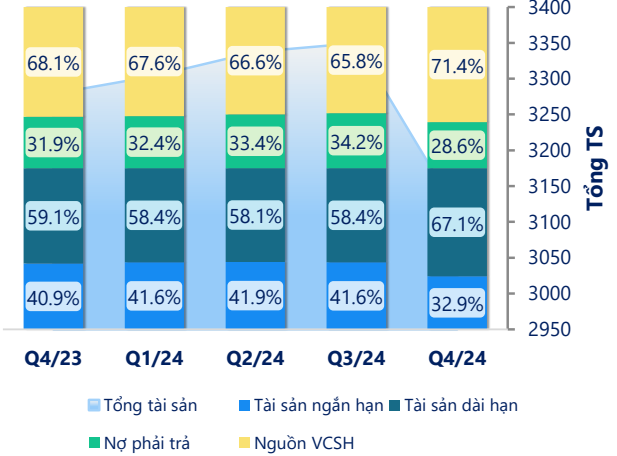
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

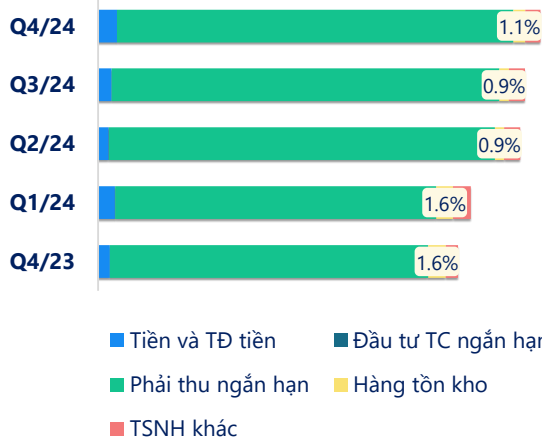
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



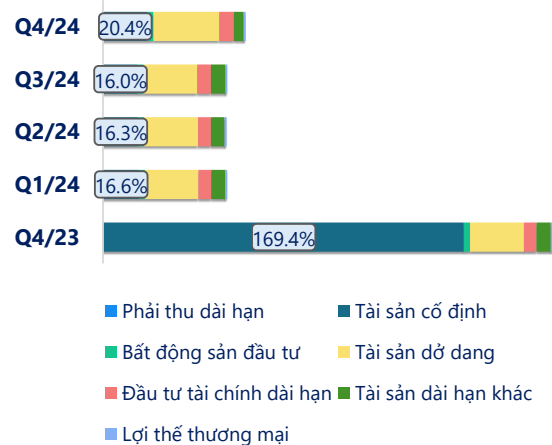
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

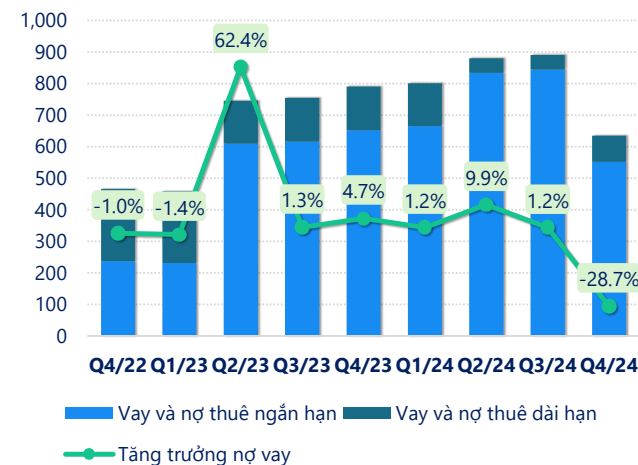
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

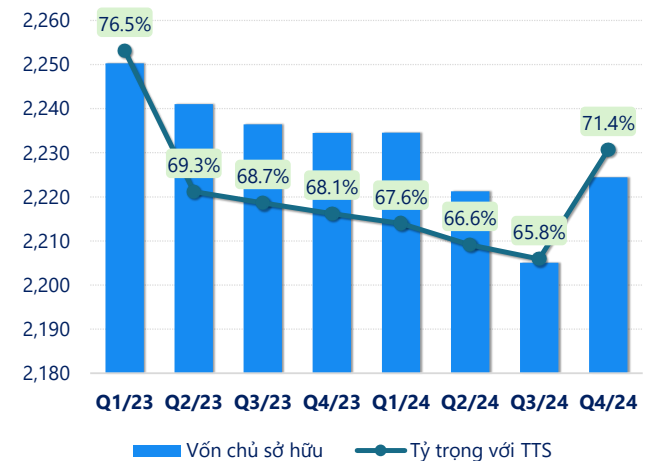
Nợ vay



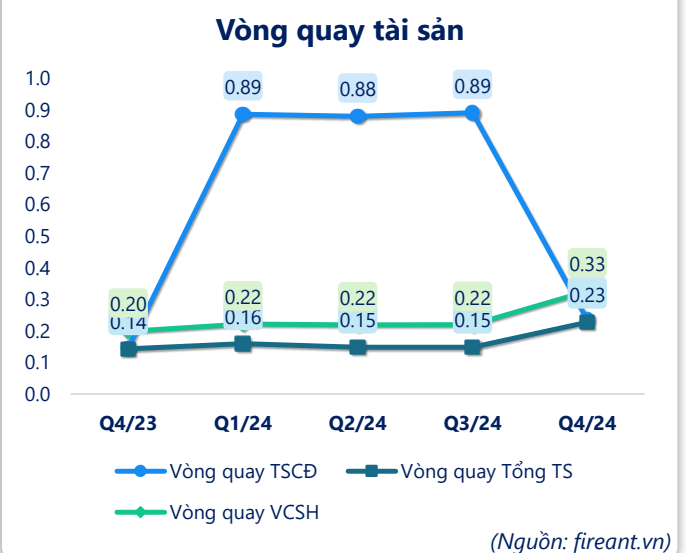
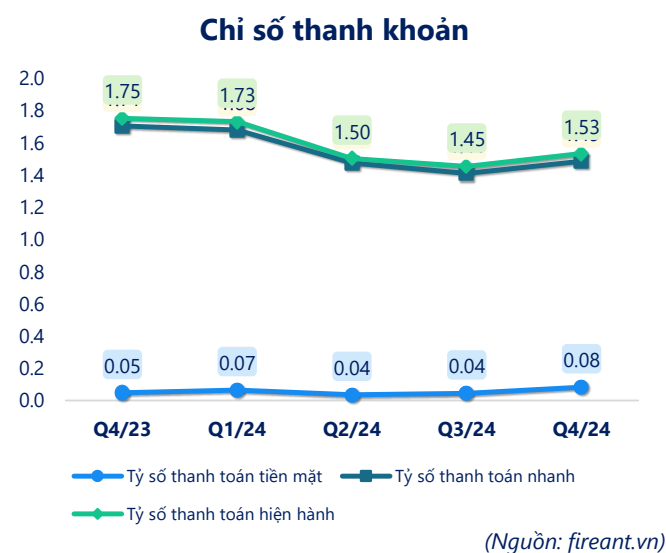
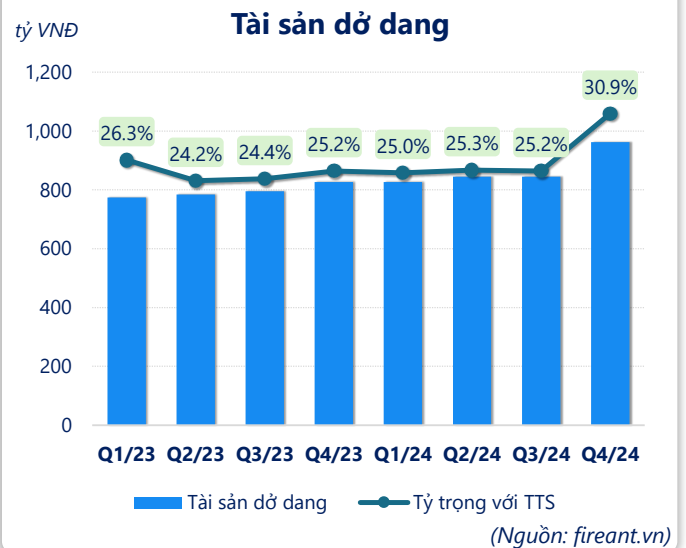
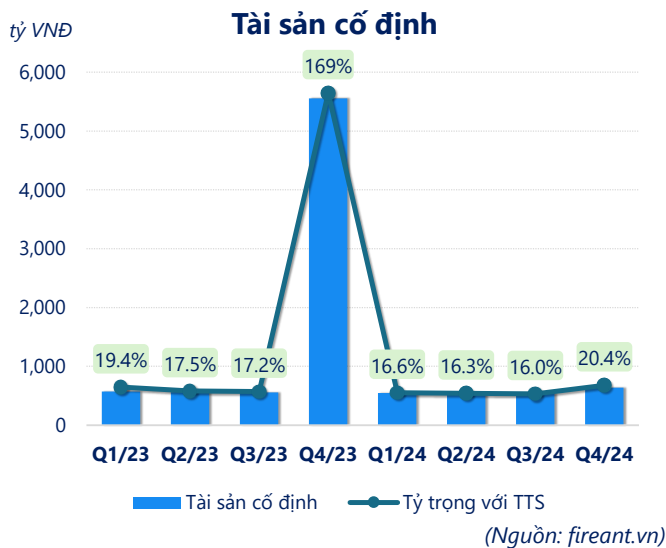
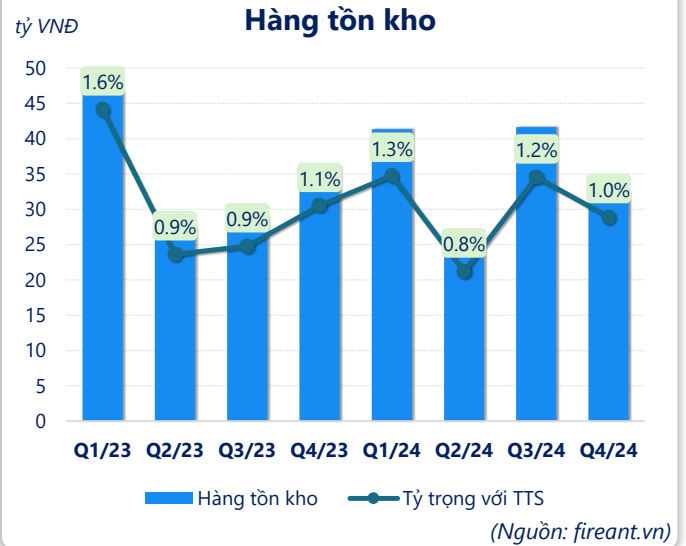
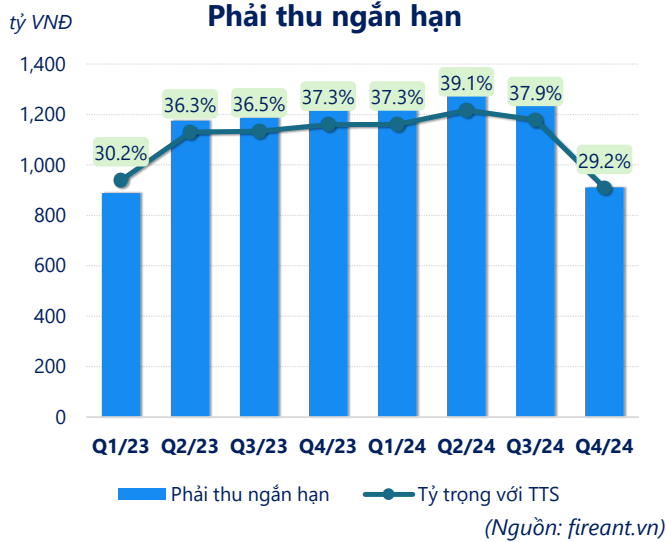
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	3,279	3,304	3,337	3,350	3,115
Tài sản ngắn hạn	1,343	1,374	1,399	1,393	1,026
Tiền và tương đương tiền	36.6	51.8	33.1	42.9	55.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.40	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,223	1,233	1,306	1,269	911
Hàng tồn kho	36.0	41.3	25.5	41.6	32.4
Tài sản ngắn hạn khác	47.3	47.3	34.5	39.4	27.8
Tài sản dài hạn	1,936	1,930	1,939	1,956	2,089
Phải thu dài hạn	9.19	9.07	8.89	8.86	8.73
Tài sản cố định	5,554	549	543	536	636
Bất động sản đầu tư	98.2	97.3	96.3	95.4	94.5
Tài sản dở dang	826	827	844	845	963
Đầu tư tài chính dài hạn	193	200	203	215	212
Tài sản dài hạn khác	223	217	213	228	146
Lợi thế thương mại	32.6	31.5	30.4	29.2	28.1
Nợ phải trả	1,044	1,069	1,116	1,145	891
Nợ ngắn hạn	766	793	931	958	669
Vay và nợ thuê ngắn hạn	651	665	834	844	551
Phải trả người bán ngắn hạn	28.2	36.2	35.4	33.2	4.49
Nợ dài hạn	278	276	186	186	222
Vay và nợ thuê dài hạn	139	135	45.9	45.9	83.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,235	2,235	2,221	2,205	2,224
Vốn chủ sở hữu	2,235	2,235	2,221	2,205	2,224
Vốn điều lệ	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)